

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 31/03/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bính
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 165/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992; ĐKHKTT: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn Ngọc Đ, xã Hồng D, huyện T, thành phố Hà Nội (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1982; ĐKHKTT: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Phạm Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm M, xã K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị T và anh H đã sống ly thân từ năm 2017.

Theo chị T: nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, quan điểm về làm ăn kinh tế. Anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H không thay đổi. Do vậy chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2017, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa; Vì

vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 14/8/2011 và Phạm Gia H sinh ngày 23/9/2015, hiện đang đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu sẽ được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Phạm Văn H trong bản tự khai ngày 19/11/2020 trình bày: Anh xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh và chị T chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại xóm M, xã K. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng lối sống, quan điểm sống. Thời gian vợ chồng anh làm ăn thua lỗ thì có chuyển vào miền Nam sinh sống. Sau đó vì có công việc nên chị T về ngoài Bắc và ở hẳn ngoài đó, vợ chồng sống ly thân đã gần 2 năm. Anh H đã nhiều lần tìm gặp chị T đề hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không nhất trí vì anh là người theo đạo Thiên Chúa, không được phép ly hôn. Anh xác định vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Ngọc A sinh ngày 14/8/2011 và Phạm Gia H1 sinh ngày 23/9/2015. Khi ly hôn, anh nhường quyền nuôi cháu A cho chị T và yêu cầu được nuôi cháu H1. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau

Về tài sản: Ban đầu anh có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, công nợ chung nhưng sau đó vợ chồng anh đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H có đơn xin rút đơn phản tố, Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Tại phiên tòa anh H giữ nguyên quan điểm của mình về việc giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung.

Con chung của vợ chồng là Phạm Ngọc A, sinh ngày 14/8/2011 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H; giao chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của Phạm Ngọc A, sinh ngày 14/8/2011; giao anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Gia H1, sinh ngày 23/9/2015; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Phạm Văn H, cư trú tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T xác định do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, quan điểm làm ăn kinh tế, anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H không thay đổi. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 không còn quan tâm đến nhau nữa.

Anh H cũng trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Khi vợ chồng đi làm ăn trong miền Nam, chị T vì lý do công việc nên ra ngoài Bắc và ở hẳn, không quay về chung sống cùng anh H. Do vậy vợ chồng mới sống ly thân, anh H nhiều lần tìm gặp chị để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Anh cũng xác định vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa, do anh là người theo đạo Thiên Chúa, không được phép ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên vài năm gần đây chị T, anh H không chung sống với nhau nữa.

Như vậy chị T và anh H đều khẳng định giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên không còn chung sống với nhau nữa; anh H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định pháp luật vì tôn giáo anh theo không cho phép tin đồ ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh H học là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Anh H và chị T có hai con chung là Phạm Ngọc A sinh ngày 14/8/2011 và Phạm Gia H1 sinh ngày 23/9/2015, hiện đang đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Về phía anh H, anh yêu cầu được nuôi cháu H1, để chị T nuôi cháu A theo nguyện vọng của cháu A, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Thực tế từ khi sống ly thân, hai con chung của vợ chồng lúc ở với bố, lúc ở với mẹ, thời gian gần đây các con chung do chị T một mình nuôi dưỡng, nhưng chị

T không xuất trình được cái tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập của chị để đảm bảo cuộc sống cho các con chung. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên, lợi ích của các con chung và tôn trọng nguyện vọng của con chung thì việc giao cháu Ánh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 và hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn H.

2/ Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Ngọc A sinh ngày 14/8/2011 đến khi thành niên, tự lập được cuộc sống. Anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là và Phạm Gia H1 sinh ngày 23/9/2015 đến khi thành niên, tự lập được cuộc sống. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2437 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn – Ninh Bình

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Thế Anh

Các hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dụ và ông Vũ Đức Bình

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 165/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thủy, sinh năm 1992; ĐKKHKT: xóm Mỹ Hóa, xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn Ngọc Đình, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Học, sinh năm 1982; ĐKKHKT: xóm Mỹ Hóa, xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: xóm Mỹ Chính, xã Kim Mỹ, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1/ Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228, Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

2/ Về đường lối giải quyết :

- Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thủy và anh Phạm Văn Học.

- Về con chung: Giao chị Phạm Thị Thủy trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Ngọc Ánh sinh ngày 14/8/2011 đến khi thành niên, tự lập được cuộc sống. Anh Học trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là và Phạm Gia Huy sinh ngày 23/9/2015 đến khi thành niên, tự lập được cuộc sống. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thủy phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2437 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Sơn

Biểu quyết 3/3 nhất trí

3/ Các vấn đề khác:

- Tuyên quyền kháng cáo cho cáo đương sự.
- Giải thích quyền nghĩa vụ thi hành án theo luật thi hành án dân sự

Biểu quyết 3/3 nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 28/8/2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Kim Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kim Sơn;
- UBND xã Lai Thành;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Anh

